

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. P
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 29/3/2019

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Liên- Ông Trần Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Ánh Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị Ph, sinh năm: 1972, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn C, xã Th, thành phố P. Chỗ ở hiện nay: thôn T, xã Th, thành phố P (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm H, sinh năm: 1973, trú: Thôn C, xã Th, thành phố P (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lý Thị Ph - nguyên đơn- trình bày:

Bà Lý Thị Ph kết hôn với Ông Phạm H trên cơ sở tự nguyện vào năm 1994, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số x2 ngày 30/5/1994 tại Ủy ban nhân dân xã Th Hải, thành phố P.

Vợ chồng bà sống hạnh phúc cho đến năm 2010 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên do Ông H thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà đánh đập chửi bới bà nhiều lần, gia đình hai bên cũng như chính quyền địa phương đều biết. Bà đã nhắn nhủ nhưng Ông H không thay đổi, vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Do không còn tình cảm yêu thương chồng nên bà đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vào ngày 22/8/2018, yêu cầu xin ly hôn ông Hùng.

Về con chung: Vợ chồng bà có hai con chung. Con lớn là Phạm K sinh năm 1995 đã thành niên, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ tên là Phạm Q, sinh ngày 13/6/2003, hiện Q đang sống cùng ông H. Bà không yêu cầu Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết. Thủ tục tổng đạt cho Ông H hoàn toàn hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Bản tường trình ngày 23.8.2018, bà Ph trình bày vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do Ông H lúc nào cũng say xỉn về đánh chửi vợ con, được Ban quản lý thôn C và Ủy ban nhân dân xã Th xác nhận.

Ngoài ra Tòa án lập biên bản xác minh tại Ban quản lý thôn C, đại diện Ban quản lý xác nhận vợ chồng bà Ph mâu thuẫn trầm trọng, không còn sống chung với nhau, không thể hàn gắn được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lý Thị Ph và Ông Phạm H có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số x2 ngày 30/5/1994 tại Ủy ban nhân dân xã Th, thành phố P. Đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Riêng Ông H vắng mặt, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho Ông H hoàn toàn hợp lệ.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ các lý do chính đáng khác. Bà Lý Thị Ph và Ông Phạm H sống chung không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai, sự việc được Ban quản lý thôn, Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú xác nhận. Ông H không tham gia tố tụng tại Tòa án, không thể hiện mong muốn hàn gắn gia đình. Vì vậy căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ph.

[3] Về quan hệ con chung: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Ph được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Q là chính đáng và phù hợp với mong muốn của cháu Q, không trái với quy định của pháp luật, nên chấp nhận. Ông H có nghĩa vụ giao con cho bà Phượng, Ông H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà P không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Ph không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, “trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc

vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu”, do đó bà Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 4 điều 147, điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 56, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lý Thị Ph được ly hôn ông Phạm H.

Về quan hệ con chung:

Bà Ph được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Q, sinh ngày 13/6/2013. Ông H có nghĩa vụ giao con cho bà Ph. Ông H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Ph không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ai lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của họ.

Về án phí:

Bà Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0017413 ngày 22/8/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P. Bà Ph đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - TAND tỉnh Ninh Thuận;
 - UBND xã Th;
 - Chi cục THADS TPPRTC;
 - VKSND TP.PRTC;
 - Lưu HS+ án.
- (GCNKH số x2 ngày 30/5/1994)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ninh Thị Kiều Hạnh

